



AM TƯỜNG CÔNG NGHỆ - THẤU HIỂU THÔNG TIN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2014



Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng các báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Thông tin chung về công ty:

1.1 Thành lập

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301447426, ngày 11 tháng 05 năm 2004 (đăng ký thay đổi lần 04, ngày 02 tháng 11 năm 2012) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh TP. HCM cấp.

1.2 Hình thức sở hữu:

Cổ phần

1.3 Hoạt động chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Thi công lắp đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống mạng máy tính. Cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (OSP), dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin.

Dịch vụ phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và khoa học kỹ thuật vào cuộc sống.

Dịch vụ môi giới bất động sản.

Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường.

Bán buôn máy móc thiết bị y tế.

Cung cấp các phần mềm ứng dụng. Sản xuất phần mềm, dịch vụ phần mềm.

Tư vấn thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp phần cứng - phần mềm với các công nghệ truyền thông). Tích hợp mạng cục bộ (LAN)

Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông. Dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi điện tử (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet, kinh doanh trò chơi điện tử tại trụ sở).

Dịch vụ sửa chữa các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng.

Mua bán các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng. Mua bán phần mềm máy tính, các thiết bị và linh kiện điện tử, điện thoại, thiết bị viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị và linh kiện trong ngành công nghệ thông tin, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, vật tư ngành in và phụ tùng, thiết bị nghiên cứu khoa học, thí nghiệm.

Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị văn phòng.

Đào tạo và chuyển giao công nghệ. Đào tạo dạy nghề.

Cho thuê nhà, kho (trừ kinh doanh cho thuê phòng trọ). Kinh doanh nhà, kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ định giá, sàn giao dịch bất động sản).

Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới vận tải.

Dịch vụ kế toán, dịch vụ tư vấn về thuế, tư vấn tài chính (trừ kinh doanh dịch vụ kiểm toán), tư vấn đầu tư, tư vấn về quản lý kinh doanh.

Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1.4 Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính công ty hiện đặt tại: Tầng 9, Tòa nhà Paragon, Số 03 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM.

Điện thoại: (84-8) 54 123 400 Fax: (84-8) 54 108 801

1.5 Mã chứng khoán niêm yết tại UpCOM: HPT

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	: ÔNG NGÔ VI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	: BÀ ĐÌNH HÀ DUY TRINH
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	: ÔNG NGUYỄN ĐỨC TIẾN
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	: ÔNG ĐÌNH HÀ DUY LINH
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	: BÀ HÀN NGUYỆT THU HƯƠNG
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	: ÔNG TRẦN ANH HOÀNG
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	: ÔNG NGUYỄN QUYẾN

Ban kiểm soát

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	: BÀ NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN
KIỂM SOÁT VIÊN	: BÀ HUỖNH THỊ THANH NGA
KIỂM SOÁT VIÊN	: ÔNG LÊ NHỰT HOÀNG NAM

Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC	: ÔNG ĐÌNH HÀ DUY LINH
KẾ TOÁN TRƯỞNG	: BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Người đại diện theo pháp luật	: ÔNG ĐÌNH HÀ DUY LINH

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc



Số: 1114640/AISC-DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2015, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ THANH DUY

Số GCNDKHN: 1493 - 2013 - 05 - 1
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

TP. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2015

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG ĐIỀU THÚY

Số GCNDKHN: 0212 - 2013 - 05 - 1
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		446,264,914,612	421,997,061,813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	68,442,502,418	37,153,833,986
1. Tiền	111		68,442,502,418	37,153,833,986
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		335,794,680,247	327,770,361,254
1. Phải thu khách hàng	131	V.2.1	318,976,130,314	290,444,148,345
2. Trả trước cho người bán	132	V.2.2	16,747,384,371	37,175,149,936
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		71,165,562	151,062,973
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	40,262,751,667	52,099,724,974
1. Hàng tồn kho	141		40,262,751,667	52,099,724,974
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	1,764,980,280	4,973,141,599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		460,573,368	727,346,456
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		753,141,322	1,126,746,693
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		551,265,590	3,119,048,450

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18,580,596,218	19,504,092,092
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.5	3,006,705,304	3,205,683,064
1. TSCĐ hữu hình	221		2,783,625,359	2,805,607,115
- Nguyên giá	222		16,384,807,371	15,154,038,826
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13,601,182,012)	(12,348,431,711)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		223,079,945	400,075,949
- Nguyên giá	228		2,176,347,786	2,176,347,786
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,953,267,841)	(1,776,271,837)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	11,710,824,576	10,109,587,162
1. Đầu tư vào công ty con	251		4,026,364,576	2,425,127,162
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4,800,000,000	4,800,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2,884,460,000	2,884,460,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.7	3,863,066,338	6,188,821,866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,819,701,290	5,277,795,068
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		1,043,365,048	911,026,798
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		464,845,510,830	441,501,153,905

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		375,967,395,689	353,786,356,662
I. Nợ ngắn hạn	310	V.8	375,619,395,689	353,786,356,662
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		186,431,130,587	178,050,551,303
2. Phải trả cho người bán	312		156,266,316,784	143,858,759,398
3. Người mua trả tiền trước	313		6,745,226,368	5,932,498,491
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		9,688,226,556	11,265,035,645
5. Phải trả người lao động	315		9,000,000	3,500,000,000
6. Chi phí phải trả	316		16,932,252,776	11,262,922,863
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		173,212,125	310,292,222
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(625,969,507)	(393,703,260)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		348,000,000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.9	348,000,000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

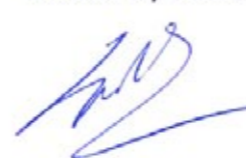
Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88,878,115,141	87,714,797,243
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.10	88,878,115,141	87,714,797,243
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		68,642,010,000	68,642,010,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139,500,000	139,500,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2,155,280,020)	(2,155,280,020)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		753,240,000	753,240,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,407,969,502	3,196,028,411
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		18,090,675,659	17,139,298,852
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		464,845,510,830	441,501,153,905
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
+USD			39,385.88	86,468.47
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHÙNG QUỐC BẢO

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH HÀ DUY LINH

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	792,242,289,088	830,378,045,294
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14,025,000	428,136,365
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		792,228,264,088	829,949,908,929
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	700,925,013,282	724,793,486,987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		91,303,250,806	105,156,421,942
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	615,328,825	1,376,446,891
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	13,422,494,514	18,081,355,715
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13,104,996,619	16,600,071,612
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5.	53,282,235,520	54,739,689,994
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6.	22,122,936,964	30,090,622,006
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		3,090,912,633	3,621,201,118
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	9,715,522,579	9,705,941,461
12. Chi phí khác	32		45,194,020	911,937,538
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		9,670,328,559	8,794,003,923
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12,761,241,192	12,415,205,041
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	2,753,785,124	3,025,052,000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 60 (60 = 50 - 51 - 52)			10,007,456,068	9,390,153,041
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	1,492	1,400

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHÙNG QUỐC BẢO

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH HÀ DUY LINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12,761,241,192	12,415,205,041
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,673,897,444	2,575,129,430
- Các khoản dự phòng	03		-	(31,634,150)
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi/ lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(394,689,726)	(317,748,800)
- Chi phí lãi vay	06		13,104,996,619	16,600,071,612
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27,145,445,529	31,241,023,133
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(10,406,251,412)	(64,794,184,343)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		11,836,973,307	1,309,784,778
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		16,592,002,524	57,171,938,198
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		2,724,866,866	(3,669,206,416)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13,104,996,619)	(16,600,071,612)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,339,799,526)	(2,959,117,528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			32,448,240,669	1,700,166,210
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2,073,062,831)	(1,251,880,377)
2. - Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	21		100,000,000	118,181,818
3. - Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(146,780,000)
4. - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. - Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(1,601,237,414)	-
6. - Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7. - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27		394,689,726	317,748,800
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(3,179,610,519)	(962,729,759)

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. - Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		494,331,471,597	504,620,711,099
4. - Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(485,602,892,313)	(496,419,406,466)
5. - Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. - Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,708,541,002)	(6,418,822,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2,020,038,282	1,782,481,933
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		31,288,668,432	2,519,918,384
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37,153,833,986	34,633,915,602
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		68,442,502,418	37,153,833,986

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHÙNG QUỐC BẢO

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH HÀ DUY LINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301447426, ngày 11 tháng 05 năm 2004 (đăng ký thay đổi lần 04, ngày 02 tháng 11 năm 2012) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh TP. HCM cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty đến là: 68,642,010,000 VNĐ

Trụ sở chính công ty hiện đặt tại: Tầng 9, Tòa nhà Paragon, Số 03 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM.

2. Hình thức sở hữu vốn

Cổ phần

3. Hoạt động chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Thi công lắp đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống mạng máy tính. Cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (OSP), dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin.

Dịch vụ phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và khoa học kỹ thuật vào cuộc sống.

Dịch vụ môi giới bất động sản.

Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường.

Bán buôn máy móc thiết bị y tế.

Cung cấp các phần mềm ứng dụng. Sản xuất phần mềm, dịch vụ phần mềm.

Tư vấn thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp phần cứng - phần mềm với các công nghệ truyền thông). Tích hợp mạng cục bộ (LAN)

Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông. Dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi điện tử (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet, kinh doanh trò chơi điện tử tại trụ sở).

Dịch vụ sửa chữa các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng.

Mua bán các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng. Mua bán phần mềm máy tính, các thiết bị và linh kiện điện tử, điện thoại, thiết bị viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị và linh kiện trong ngành công nghệ thông tin, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, vật tư ngành in và phụ tùng, thiết bị nghiên cứu khoa học, thí nghiệm.

Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị văn phòng.

Đào tạo và chuyển giao công nghệ. Đào tạo dạy nghề.

Cho thuê nhà, kho (trừ kinh doanh cho thuê phòng trọ). Kinh doanh nhà, kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ định giá, sàn giao dịch bất động sản).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới vận tải.

Dịch vụ kế toán, dịch vụ tư vấn về thuế, tư vấn tài chính (trừ kinh doanh dịch vụ kiểm toán), tư vấn đầu tư, tư vấn về quản lý kinh doanh.

Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa.

4. Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đổi tên liên doanh TongYang - HPT thành LOTTE - HPT do bên liên doanh chuyển nhượng toàn bộ vốn.

5. Tổng số nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014: 283 nhân viên. (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 243 nhân viên).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Máy móc, thiết bị	05 - 08	năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	năm
Phần mềm máy tính	03 - 08	năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Tiền thuê văn phòng, các khoản chi phí đào tạo, chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 60 tháng.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ (-) vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là: 22%

12. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“VAS10”) sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179 như sau:”

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo Thông tư 179	Xử lý kế toán theo VAS 10
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ).	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.
Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ	Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.	Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là không trọng yếu cho toàn bộ báo cáo tài chính.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, chưa được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính: theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công cụ tài chính được niêm yết, chưa được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính: theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
1.1 Tiền mặt	366,485,618	284,168,916
1.2 Tiền gửi ngân hàng	68,076,016,800	36,869,665,070
Cộng	68,442,502,418	37,153,833,986
2. Các khoản phải thu ngắn hạn		
2.1 Phải thu khách hàng	318,976,130,314	290,444,148,345
(* Phải thu thương mại - bên thứ ba	318,976,130,314	290,444,148,345
2.2 Trả trước người bán	16,747,384,371	37,175,149,936
Trả trước người bán - bên thứ ba	16,747,384,371	37,175,149,936

(* Một phần khoản phải thu thương mại được dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay Ngân hàng (Xem Thuyết minh mục số V.8.1)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2014	01/01/2014
3. Hàng tồn kho		
Hàng hóa	40,262,751,667	52,099,724,974
Tổng Cộng	40,262,751,667	52,099,724,974

* Một phần giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay Ngân hàng (Xem Thuyết minh mục số V.8.1)

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VNĐ.

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 0 VNĐ

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê mặt bằng văn phòng	320,715,368	317,389,006
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	139,858,000	409,957,450

Cộng **460,573,368** **727,346,456**

	31/12/2014	01/01/2014
4.2 Thuế GTGT được khấu trừ		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	285,193,876	693,003,304
Thuế GTGT của TSCĐ	127,272,727	127,272,727
Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV	340,674,719	306,470,662

Cộng **753,141,322** **1,126,746,693**

	31/12/2014	01/01/2014
4.3 Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	544,148,090	2,211,389,700
Ký quỹ ngắn hạn	7,117,500	907,658,750

Cộng **551,265,590** **3,119,048,450**

Tổng Cộng **1,764,980,280** **4,973,141,599**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
5. Tài sản cố định				
5.1 Tài sản cố định Hữu hình				
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	8,711,841,056	4,213,016,976	2,229,180,794	15,154,038,826
- Mua trong năm	110,099,964	703,318,182	838,497,542	1,651,915,688
- Thanh lý, nhượng bán	-	421,147,143	-	421,147,143
Số dư cuối năm	8,821,941,020	4,495,188,015	3,067,678,336	16,384,807,371

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	7,511,144,998	2,959,173,546	1,878,113,167	12,348,431,711
- Khấu hao trong năm	467,753,731	519,646,334	686,497,379	1,673,897,444
- Thanh lý, nhượng bán	-	421,147,143	-	421,147,143
Số dư cuối năm	7,978,898,729	3,057,672,737	2,564,610,546	13,601,182,012

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	1,200,696,058	1,253,843,430	351,067,627	2,805,607,115
Số dư cuối năm	843,042,291	1,437,515,278	503,067,790	2,783,625,359

* Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.377.765.758VNĐ.

* Nguyên giá Tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.912.748.480 VNĐ.

* Nguyên giá Tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VNĐ.

* Các cam kết về việc mua, bán Tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không phát sinh.

5.2 Tài sản cố định vô hình

Phần
máy tính

mềm
Cộng

Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2,176,347,786	2,176,347,786
Số dư cuối năm	2,176,347,786	2,176,347,786

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	1,776,271,837	1,776,271,837
- Khấu hao trong năm	176,996,004	176,996,004
Số dư cuối năm	1,953,267,841	1,953,267,841

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	400,075,949	400,075,949
Số dư cuối năm	223,079,945	223,079,945

* Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ.

* Nguyên giá Tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VNĐ.

* Nguyên giá Tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VNĐ.

* Các cam kết về việc mua, bán Tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Các khoản đầu tư tài chính DH

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
6.1 Đầu tư vào công ty con				
(*) Công Ty TNHH Công Nghệ HPT	-	4,026,364,576	-	2,425,127,162
Cộng	-	4,026,364,576	-	2,425,127,162

(*) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 413041000043, ngày 12/01/2011 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. HCM cấp. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Công nghệ HPT là 60 tỷ đồng. Trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty CP DVCN Tin học HPT là 100%, đến thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty CP DVCN Tin học HPT đã góp được 4.026.364.576 VNĐ đạt tỷ lệ 6,71% vốn điều lệ phải góp. Đến thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty TNHH Công nghệ HPT đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính, do đó Công ty không tính và trích lập dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư.

Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư

Tăng giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Công nghệ HPT do vốn góp bổ sung.

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
6.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
(*) Công ty Cổ phần Công nghệ cao LOTTE - HPT Việt Nam	480,000	4,800,000,000	480,000	4,800,000,000
Cộng	480,000	4,800,000,000	480,000	4,800,000,000

(*) - Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000044, ngày 07 tháng 07 năm 2008 do UBND Thành Phố Hồ Chí Minh cấp (thay đổi lần 05, ngày 29 tháng 08 năm 2014). Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ cao LOTTE - HPT Việt Nam là 16.000.000.000 VNĐ. Trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty CP DVCN Tin học HPT là 30%, đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty CP DVCN Tin học HPT đã góp được 4.800.000.000 VNĐ đạt tỷ lệ 100% vốn điều lệ phải góp. Tại ngày 31/12/2014 khoản đầu tư vào công ty liên kết không bị giảm sút giá trị do kết quả hoạt động và lợi nhuận lũy kế của Công ty được đầu tư đều có lãi, do đó Công ty không tính và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

Lý do thay đổi khoản đầu tư

Theo hợp đồng liên doanh ngày 02/06/2014, được ký kết giữa Hyundai Information Technology Co., Ltd, Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ tin học HPT và Công ty LOTTE Data Communication thì Công ty Cổ phần Công nghệ cao TONGYANG được đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghệ cao LOTTE - HPT Việt Nam.

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
6.3 Đầu tư dài hạn khác				
(*) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	119,521	1,434,460,000	119,521	1,434,460,000
CTCP Dịch vụ Phú Nhuận	50,000	1,450,000,000	50,000	1,450,000,000
Cộng	169,521	2,884,460,000	169,521	2,884,460,000

(*) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá thị trường của khoản chứng khoán đầu tư dài hạn cao hơn giá gốc và khoản đầu tư tài chính dài hạn không bị giảm sút giá trị do kết quả hoạt động và lợi nhuận lũy kế của Công ty được đầu tư đều có lãi, do đó Công ty không tính và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản dài hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
7.1 Chi phí trả trước dài hạn	2,819,701,290	5,277,795,068
CP Đào tạo nghiên cứu khoa học kỹ thuật	216,266,811	1,190,000,646
Chi phí sửa chữa văn phòng công ty	45,144,128	7,544,000
Chi phí đầu tư sửa chữa văn phòng	2,090,843,429	2,787,791,240
Chi phí công cụ, dụng cụ	467,446,922	1,292,459,182
Cộng	2,819,701,290	5,277,795,068

7.2 Tài sản dài hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	138,615,790	6,277,540
Ký quỹ khác	904,749,258	904,749,258
Cộng	1,043,365,048	911,026,798

8. Nợ ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
8.1 Vay và nợ ngắn hạn		
(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng	186,259,130,587	178,050,551,303
Nợ dài hạn đến hạn trả	172,000,000	-
Cộng	186,431,130,587	178,050,551,303

(*) Chi tiết các khoản nợ vay Ngân hàng	Số dư nợ vay cuối năm	Số dư nợ vay đầu năm
(a) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sài Gòn	78,019,196,647	51,335,977,097
(b) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Phú Nhuận	97,807,913,564	89,787,406,871
(c) Ngân hàng TMHH Một thành viên HSBC	1,607,840,000	14,536,561,076
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Chợ Lớn	-	22,390,606,259
(d) Ngân hàng TMCP Việt Á	8,824,180,376	-
Cộng	186,259,130,587	178,050,551,303

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn theo hợp đồng số 0091/HĐTD-VIB625/14, ngày 20/05/2014. Hạn mức vay: 200 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay: Thời hạn vay: tối đa 12 tháng. Tài sản đảm bảo: thế chấp bằng tài sản đảm bảo của bên thứ ba và tín chấp quản lý nguồn thu của Công ty. Giá trị tài sản đảm bảo: 30.000 USD và 4.951.000.000 VNĐ.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Nhuận theo hợp đồng số 01/2014/999250/HĐTD, ngày 20/06/2014. Hạn mức vay: 120 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn vay: 12 tháng. Tài sản đảm bảo: thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC theo hợp đồng số VNM CDT 090381, ngày 15/09/2014. Số tiền vay: 1.950.000,00 USD. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất vay: theo khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: thế chấp khoản phải thu và hàng hóa. Trị giá tài sản đảm bảo: 4.500.000,00 USD.

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á theo hợp đồng số 020-75/14/VAB/HĐNHDN, ngày 12/12/2014. Số tiền vay: 12 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 05 tháng. Lãi suất vay: tối đa 10,5% điều chỉnh 03 tháng/ lần. Tài sản đảm bảo: khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa VAB và Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ tin học HPT, trị giá 23.192.317.500 VNĐ.

8.2 Phải trả người bán	31/12/2014	01/01/2014
Phải trả thương mại - bên thứ ba	156,266,316,784	143,858,759,398
Cộng	156,266,316,784	143,858,759,398

8.3 Người mua trả tiền trước	31/12/2014	01/01/2014
Người mua trả trước - bên thứ ba	6,745,226,368	5,932,498,491
Cộng	6,745,226,368	5,932,498,491

8.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2014	01/01/2014
Thuế xuất, nhập khẩu	127,476	426,308
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	6,137,506,272	8,246,462,275
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,777,687,349	1,363,701,750
Thuế thu nhập cá nhân	106,325,175	105,280,947
Thuế nhà thầu	1,666,580,284	1,549,164,365
Cộng	9,688,226,556	11,265,035,645

8.5 Chi phí phải trả	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí phải trả bảo hành	934,910,579	1,563,022,863
Chi phí phải trả triển khai các dự án	15,997,342,197	9,699,900,000
Cộng	16,932,252,776	11,262,922,863

8.6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/12/2014	01/01/2014
Quỹ khen thưởng	(121,804,084)	(134,127,040)
Quỹ phúc lợi	(504,165,423)	(259,576,220)
Cộng	(625,969,507)	(393,703,260)

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ khen thưởng: Thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

Quỹ phúc lợi: Chi cho các hoạt động phúc lợi trong công ty.

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
9.3 Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn	348,000,000	-
(*) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	348,000,000	-
Cộng	348,000,000	-

(*) "Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng số 0204/HĐTĐ2-VIB625/14, ngày 10/11/2014. Số tiền vay: 520.000.000 VNĐ. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất vay: 9,5%/năm điều chỉnh 03 tháng/ lần. Mục đích vay: tái tài trợ tiền mua ô tô. Biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp xe ô tô. Giá trị tài sản đảm bảo: 695.000.000 VNĐ.

10. Vốn chủ sở hữu

a). Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2014	01/01/2014
Ông Ngô Vi Đồng	12.75%	8,753,740,000	8,753,740,000
Ông Đinh Hà Duy Linh	4.75%	3,254,490,000	3,254,490,000
Bà Đinh Hà Duy Trinh	4.85%	3,332,330,000	3,332,330,000
Cổ phiếu quỹ	3.14%	2,155,280,020	2,155,280,020
Vốn góp của các cổ đông khác	74.51%	51,146,169,980	51,146,169,980
Tổng cộng	100%	68,642,010,000	68,642,010,000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 155.660 cổ phiếu

b). Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu {Xem Thuyết minh trang số 31}

c). Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, LN	Năm 2014	Năm 2013
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	68,642,010,000	68,642,010,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	68,642,010,000	68,642,010,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6,708,541,002	6,418,822,700

e). Cổ phiếu	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,864,201	6,864,201
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	6,864,201	6,864,201
Cổ phiếu phổ thông	6,864,201	6,864,201
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155,660	155,660
Cổ phiếu phổ thông	155,660	155,660
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,708,541	6,708,541
Cổ phiếu phổ thông	6,708,541	6,708,541
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		
f). Các quỹ của DN	31/12/2014	01/01/2014
Quỹ đầu tư phát triển	753,240,000	753,240,000
Quỹ dự phòng tài chính	3,407,969,502	3,196,028,411
Cộng	4,161,209,502	3,949,268,411

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2014	Năm 2013
Tổng Doanh Thu	792,242,289,088	830,378,045,294
+ Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	792,242,289,088	830,378,045,294
Các khoản giảm trừ doanh thu	14,025,000	428,136,365
+ Giảm giá hàng bán	14,025,000	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	428,136,365
Doanh thu thuần	792,228,264,088	829,949,908,929
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	700,925,013,282	724,793,486,987
Tổng Cộng	700,925,013,282	724,793,486,987
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng	135,181,873	108,422,945
Cổ tức, lợi nhuận được chia	259,507,853	317,748,800
Lãi do chênh lệch tỷ giá	20,671,762	950,275,146
Doanh thu khác	199,967,337	-
Tổng Cộng	615,328,825	1,376,446,891

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2014	Năm 2013
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi tiền vay	13,104,996,619	16,600,071,612
Lỗ chênh lệch tỷ giá	311,145,911	1,481,284,103
Chi phí tài chính khác	6,351,984	-
Tổng Cộng	13,422,494,514	18,081,355,715
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	38,813,340,028	39,982,564,976
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1,697,412,539	1,420,033,142
Chi phí khấu hao TSCĐ	538,212,890	987,123,505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,877,218,327	11,505,087,138
Chi phí bằng tiền khác	1,356,051,736	844,881,233
Tổng Cộng	53,282,235,520	54,739,689,994
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	9,900,912,119	15,024,717,150
Chi phí đồ dùng văn phòng	453,921,908	559,819,869
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,311,513,891	1,588,932,275
Thuế, phí và lệ phí	3,667,763,285	5,206,577,110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,066,968,292	5,600,568,640
Chi phí khác bằng tiền	1,721,857,469	2,110,006,962
Tổng Cộng	22,122,936,964	30,090,622,006
7. Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý TSCĐ	100,000,000	118,181,818
Thu từ khoản thưởng, bồi thường	9,464,930,179	9,366,501,907
Thu khác	150,592,400	221,257,736
Tổng Cộng	9,715,522,579	9,705,941,461
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	2,753,785,124	3,025,052,000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12,761,241,192	12,415,205,041
- Các khoản điều chỉnh tăng chi phí không hợp lý	15,471,770	2,751,760
- Các khoản điều chỉnh giảm cổ tức được chia	259,507,853	317,748,800
Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	12,517,205,109	12,100,208,001
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2,753,785,124	3,025,052,000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay.	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,753,785,124	3,025,052,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2014	Năm 2013
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,007,456,068	9,390,153,041
Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10,007,456,068	9,390,153,041
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6,708,541	6,708,541
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,492	1,400
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nhân công	48,714,252,147	55,007,282,126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,849,726,781	2,576,055,780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,944,186,619	17,105,655,778
Chi phí khác bằng tiền	3,077,909,205	2,954,888,195
Tổng Cộng	69,586,074,752	77,643,881,879

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a). Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua thuê tài chính: không phát sinh

b). Mua và thanh lý Công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh

c). Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Các khoản giao dịch số dư trọng yếu với các tổ chức có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu/(phải trả)
Công ty CP Công nghệ cao LOTTE - HPT	Công ty liên kết	Phí dịch vụ	217,324,800	108,662,400

Báo cáo của Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.2 Các khoản chi trả cho HĐQT và Ban TGD

Lương và thưởng

Năm 2014	Năm 2013
3,273,277,000	3,739,278,136

Cộng

3,273,277,000	3,739,278,136
----------------------	----------------------

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ tích hợp hệ thống. Các chi nhánh của Công ty đều hạch toán phụ thuộc và không kinh doanh hàng hóa dịch vụ khác. Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung tại TP. HCM và các tỉnh, thành khác trong cả nước. Do đó không phát sinh sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và các bộ phận theo khu vực địa lý.

Vì vậy, công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

5. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

5.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013

a). Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền gửi, vay và nợ của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền gửi, vay và nợ của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tiền gửi, vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
VNĐ	-200	(545,354,409)
VNĐ	200	545,354,409
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VNĐ	-100	58,281,435
VNĐ	100	(58,281,435)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

b). Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền gửi của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm 2014	-1%	(890,546,481)
	1%	890,546,481
Năm 2013	-1%	303,941,073
	-1%	(303,941,073)

c). Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 1.649.389.800 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.936.240.200 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 164.938.980 VNĐ. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 164.938.980 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

ngày 31 tháng 12 năm 2014	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	186,431,130,587	348,000,000	-	186,779,130,587
Phải trả người bán	156,266,316,784	-	-	156,266,316,784
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	17,105,464,901	-	-	17,105,464,901
Tổng cộng	359,802,912,272	348,000,000	-	360,150,912,272
ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Các khoản vay và nợ	178,050,551,303	-	-	178,050,551,303
Phải trả người bán	143,858,759,398	-	-	143,858,759,398
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	11,516,815,085	-	-	11,516,815,085
Tổng cộng	333,426,125,786	-	-	333,426,125,786

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tài sản đảm bảo

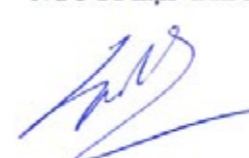
Công ty đã sử dụng tài sản của bên thứ ba, quyền đòi nợ, phương tiện vận tải làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.8 - Thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

7. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính {Xem Thuyết minh trang số 32}

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHÙNG QUỐC BẢO

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH HÀ DUY LINH

Báo cáo của Kiểm toán

8. Vốn chủ sở hữu

b). Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	68,642,010,000	139,500,000	(2,155,280,020)	753,240,000	3,050,901,219	15,897,126,913	86,327,498,112
Lãi trong năm 2013	-	-	-	-	-	9,390,153,041	9,390,153,041
Trích lập các quỹ năm 2013	-	-	-	-	287,888,020	(287,888,020)	-
Trả cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(6,418,822,700)	(6,418,822,700)
Trích quỹ KTPL năm 2013	-	-	-	-	(142,760,828)	(1,151,552,081)	(1,151,552,081)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(289,718,300)	(432,479,128)
Số dư cuối năm trước	68,642,010,000	139,500,000	(2,155,280,020)	753,240,000	3,196,028,411	17,139,298,853	87,714,797,244
Số dư đầu năm nay	68,642,010,000	139,500,000	(2,155,280,020)	753,240,000	3,196,028,411	17,139,298,853	87,714,797,244
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	10,007,456,068	10,007,456,068
Trả cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(6,708,541,002)	(6,708,541,002)
Trích lập các quỹ năm nay	-	-	-	-	469,507,652	(469,507,652)	-
Trích quỹ KTPL năm nay	-	-	-	-	-	(1,878,030,608)	(1,878,030,608)
Giảm khác	-	-	-	-	(257,566,561)	-	(257,566,561)

Số dư cuối năm nay 68,642,010,000 139,500,000 (2,155,280,020) 753,240,000 3,407,969,502 18,090,675,659 88,878,115,141

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản tài chính	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2,884,460,000	-	2,884,460,000	2,884,460,000
- Phải thu khách hàng	318,976,130,314	-	290,444,148,345	318,976,130,314
- Tiền và các khoản tương đương tiền	68,442,502,418	-	37,153,833,986	68,442,502,418
Tổng cộng	390,303,092,732	-	330,482,442,331	390,303,092,732
Nợ phải trả tài chính	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Vay và nợ	186,779,130,587	-	178,050,551,303	186,779,130,587
- Phải trả người bán	156,266,316,784	-	143,858,759,398	156,266,316,784
- Phải trả khác và chi phí phải trả	17,105,464,901	-	11,516,815,085	17,105,464,901
Tổng cộng	360,150,912,272	-	333,426,125,786	360,150,912,272

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) của công ty năm 2014 gồm 7 thành viên, trong đó có 2 thành viên HĐQT độc lập.

Thành phần và cơ cấu của HĐQT như sau:

Stt	Tên thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần(*)
01	Ông Ngô Vi Đồng	Chủ tịch HĐQT	875.374 cp (12.75%)
02	Bà Đinh Hà Duy Trinh	Phó CT HĐQT	333.233 cp (4.85%)
03	Bà Hàn Nguyệt Thu Hương	Thành viên HĐQT	336.058 cp (4.90%)
04	Ông Đinh Hà Duy Linh	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc	325.449 cp (4.74%)
05	Ông Nguyễn Quyền	Thành viên HĐQT	154.239 cp (2.25%)
06	Ông Nguyễn Đức Tiến	Thành viên HĐQT độc lập	426.127 cp (6.21%)
07	Ông Trần Anh Hoàng	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 50.748 cp (0.74%) Đại diện công ty CP Đầu tư phân phối Satico: 540.417 cp (7.87%)

(*) Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/3/2015.

Hội đồng Quản trị tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành. Thực hiện quy chế làm việc theo Điều lệ, định hướng chiến lược hoạt động chung của công ty.

Hội đồng Quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả hoạt động, điều chỉnh các kế hoạch hoạt động phù hợp với tình hình kinh tế chung và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực thi chiến lược, mục tiêu nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị dựa trên sự thống nhất của tất cả các thành viên HĐQT.

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 3 cuộc họp định kỳ và một số cuộc họp đột xuất. Nội dung các cuộc họp HĐQT như sau:

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung
22/1/2014	7/7 Và 01 TV Ban kiểm soát	<p>Chủ tịch HĐQT chia sẻ tình hình hoạt động chung của công ty năm 2013. Một số nội dung chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> Năm 2013 là một năm tiếp tục khó khăn. Các đơn vị, trung tâm đã rất nỗ lực nhưng chưa đạt mục tiêu như kỳ vọng. HPT tiếp tục nằm trong Top công ty CNTT hàng đầu. Được UBND TP HCM đánh giá cao về công tác hỗ trợ cho TP HCM các hoạt động về công nghệ thông tin, đặc biệt là an toàn thông tin Công tác chuẩn bị việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2014 Một số công tác chuẩn bị cho sự kiện kỷ niệm 20 năm thành lập công ty <p>Tổng Giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 và kế hoạch năm 2014. Kế hoạch 2014 gồm 1 số nội dung chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chiến lược năm 2014: <ul style="list-style-type: none"> » Tiếp tục phát triển nhân sự chủ chốt » Thống nhất hệ thống dịch vụ của HPT » Tiếp tục việc tái cấu trúc » Mở rộng kinh doanh Quốc tế Mục tiêu chung: <ul style="list-style-type: none"> » Doanh thu: 850 tỷ đồng, lãi ròng 15 tỷ đồng » Lãi ròng tăng trưởng 25%-30% » Giảm chi phí hoạt động 5%-10% <p>Tài chính</p>

		<p>Khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> » Tăng trưởng số khách hàng có doanh số trên 500K USD/năm: 15-20 khách hàng Doanh nghiệp lớn tại TP.HCM <p>Quy trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> » Quy trình dịch vụ thống nhất » Chấn chỉnh ứng dụng CRM <p>Nguồn lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> » Phát triển dự án cao cấp: » Tăng tỷ lệ cán bộ kinh doanh (15%) – đào tạo nâng cao năng lực cho CB kinh doanh » Đánh giá và cải tiến các chỉ số nguồn lực của Công ty » Phát triển chuyên gia các hướng là thế mạnh từng đơn vị » Tái cấu trúc mảng phát triển phần mềm <p>Đối tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> » Phát triển 5 đối tác phần mềm » Đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác để phục vụ cho chiến lược kinh doanh <p>Các xu thế có thể tác động đến hoạt động HPT</p> <ul style="list-style-type: none"> » Cloud, Phần mềm nghiệp vụ, Mobility (BYOD), IoT, PPP – Cho thuê, Nhu cầu đầu tư IT không phát sinh từ bộ phận IT <p>Phó CT HĐQT báo cáo tình hình tài chính công ty năm 2013.</p> <p>HĐQT thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua các báo cáo.</p> <p>HĐQT thống nhất trình cổ đông mức cổ tức 2013 là 10% bằng tiền mặt và chi trả vào tháng 5/2014.</p> <p>Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT</p>
--	--	---

		<p>Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động trong Quý 1/2014</p> <p>HPT nhận chứng chỉ ISO/IEC 27001:2005</p> <p>Thông qua một số công tác như: Tái cấu trúc nguồn lực; Xây dựng hệ thống quản lý và chế độ đãi ngộ cho khối kinh doanh, kỹ thuật; Đẩy mạnh công tác truyền thông hướng đến kỷ niệm 20 năm thành lập công ty</p> <p>Công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014</p> <p>Thông qua chương trình và các vấn đề trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 phê duyệt</p> <p>Thông qua kế hoạch đầu tư vào khu CNC TP HCM giai đoạn 1</p> <p>Thông qua thù lao của HĐQT căn cứ mức thù lao đã được Đại hội cổ đông phê duyệt</p> <p>Thông qua chương trình đi nghiên cứu tìm hiểu thị trường nước ngoài của HĐQT</p> <p>Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT</p>
15/4/2014		
17/7/2014		<p>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2014 và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2014</p> <p>Thông qua kế hoạch chuẩn bị thành lập 02 trung tâm mới: Trung tâm trừ bì GP & DV Điện toán đám mây (HCS) và Trung tâm trừ bì Giải pháp dịch vụ phần mềm (HAS) theo đề xuất của Ban điều hành</p>
		<p>Chính thức phát động chương trình kỷ niệm 20 năm thành lập HPT với những mục tiêu cụ thể: sách ảnh, sách viết, công trình, các hoạt động truyền thông, phong trào thi đua...</p> <p>Các công tác khác thuộc thẩm quyền của HĐQT</p>
Các cuộc họp đột xuất vào các ngày		<p>Thảo luận, có ý kiến góp ý và thông qua bản thiết kế sơ bộ giai đoạn 1 dự án đầu tư tại Khu công nghệ cao (CNC) TP. HCM</p> <p>Động thổ dự án đầu tư tại Khu CNC TP</p> <p>Liên quan đến giao dịch tín dụng tại các ngân hàng</p> <p>Đề nghị nhận khen thưởng Đơn vị có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công nghệ Thông tin Việt Nam của Bộ Thông tin – Truyền thông cho tập thể Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT</p> <p>Đề nghị nhận khen thưởng Cờ truyền thống và bằng khen của UBND TP.HCM cho tập thể Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT</p>

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Quá trình thay đổi vốn điều lệ của HPT đến 31/12/2014

Stt	Ngày	Vốn điều lệ (Đồng)	Giấy CNĐKDN	Loại hình hoạt động
1	19/01/1995	400.000.000	045008	Công ty TNHH
2	23/01/1998	1.000.000.000	045008	Công ty TNHH
3	25/04/2001	4.000.000.000	045008	Công ty TNHH
4	11/05/2004	10.000.000.000	4103002304	Công ty Cổ phần
5	18/10/2005	15.000.000.000	4103002304	Công ty Cổ phần
6	09/08/2006	20.000.000.000	4103002304	Công ty Cổ phần
7	29/03/2007	36.000.000.000	4103002304	Công ty Cổ phần
8	18/11/2009	38.476.550.000	0301447426	Công ty Cổ phần
9	02/03/2010	59.892.990.000	0301447426	Công ty Cổ phần
10	02/11/2012	68.642.010.000	0301447426	Công ty Cổ phần
11	Đến nay	68.642.010.000	0301447426	Công ty Cổ phần

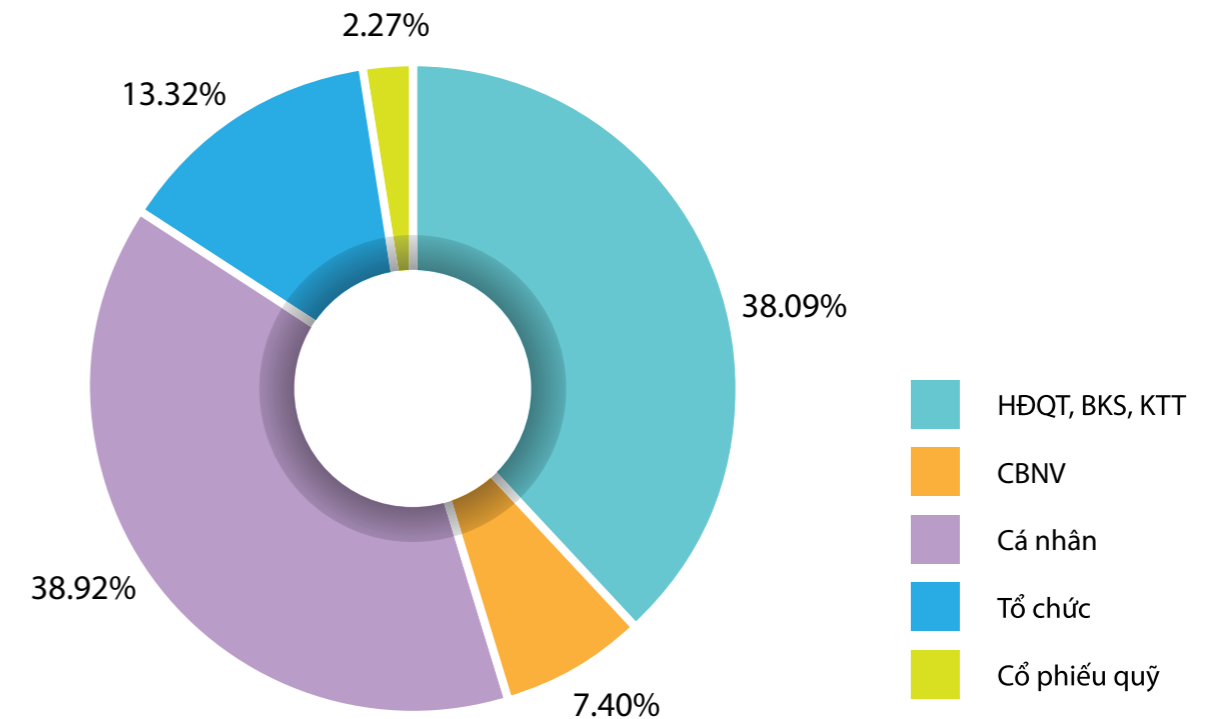
Tình hình vốn cổ phần năm 2014

Trong năm 2014, tình hình vốn cổ phần của công ty HPT không thay đổi so với năm 2013.

Đến ngày 31/12/2014, công ty HPT có 6.864.201 cổ phiếu. Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá 10.000đ/ cổ phiếu, tương đương 68.642.010.000 đồng (Sáu mươi tám tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu mười nghìn đồng). Trong đó có 6.708.541 cổ phiếu đang lưu hành và 155.660 cổ phiếu quỹ.

Cơ cấu cổ đông đến ngày 24/03/2015

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng	Tổng vốn (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	HĐQT, Ban TGĐ, Ban KS, KTT	11	26.146.700.000	38,09%
2	CBNV công ty HPT	60	5.077.810.000	7,40%
3	Tổ chức	7	9.141.680.000	13,32%
4	Cá nhân	377	26.719.220.000	38,92%
5	Cổ phiếu quỹ		1.556.600.000	2,27%
	Tổng cộng	455	68.642.010.000	100,00%



- Số lượng cổ đông tăng 1% (3 cổ đông) so với năm 2013
- Trong cơ cấu cổ đông, tỷ lệ sở hữu của CBNV công ty HPT giảm 0,33 điểm phần trăm so với năm 2013.
- Năm 2014, công ty HPT không giao dịch cổ phiếu Quỹ và chứng khoán khác.

Tình hình chi trả cổ tức

Công ty HPT có một quá trình chi trả cổ tức ổn định, mức cổ tức trung bình hàng năm từ 10-25%.

Tuy nhiên năm 2014 là một năm tiếp tục khó khăn của HPT. Mặc dù với sự nỗ lực cao nhất của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể CBNV, nhưng HPT chỉ đạt được doanh số 792.2 tỷ đồng (93% chỉ tiêu theo kế hoạch) và lãi ròng 12.76 tỷ đồng (85% chỉ tiêu theo kế hoạch). Để đảm bảo tiếp tục duy trì mức cổ tức ổn định nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, Hội đồng Quản trị công ty quyết định mức chi trả cổ tức năm 2014 là 8% bằng tiền mặt. Kế hoạch chi trả cổ tức này sẽ được trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Thu nhập trên mỗi cổ phần:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần (VNĐ)	1.492	1.400	951

Thông tin các cổ đông lớn đến ngày 24/03/2015

Stt	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
01	Ngô Vi Đồng	Chủ tịch HĐQT	875.374	12,75%
02	Công ty CP Đầu Tư Phân Phối SATICO	Tổ chức	540.417	7,87%
03	Nguyễn Đức Tiến	Thành viên HĐQT	426.127	6,21%

Tình hình giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM

Đánh giá chung:

- Cổ phiếu HPT chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM vào ngày 17/06/2010 với giá khởi điểm là 18.000 đ/cổ phiếu.
- Tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014, số lượng cổ phiếu HPT đã được giao dịch trên UPCOM là 79.835 CP. Năm 2014 là một năm tiếp theo khởi sắc của thị trường chứng khoán. Tuy nhiên tình hình giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM vẫn chưa thay đổi nhiều.
- Tuy nhiên số lượng cổ đông của HPT vẫn ổn định hàng năm, dao động khoảng 400-450 cổ đông. Các nhà đầu tư vẫn quan tâm sâu sắc, đầu tư lâu dài và đồng hành cùng công ty HPT.
- Ngoài ra có thể nhận thấy tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng vẫn ổn định, không thay đổi qua các năm.
- Đến ngày 24/03/2015, số lượng cổ phiếu HPT được Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài nắm giữ là 148.350 CP, chiếm tỷ lệ 2.16% vốn điều lệ.

Tình hình giao dịch của cổ đông nội bộ

- Đến ngày 24/03/2015, có phát sinh giao dịch của cổ đông nội bộ là: 1,150 CP

Hoạt động của Ban cổ đông

Trong năm 2014, Ban cổ đông đã triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị như sau:

- Kịp thời cập nhật các ý kiến của cổ đông và phản hồi cho cổ đông các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, về cổ tức, về việc lưu ký chứng khoán,...
- Cập nhật thông tin cổ đông tại Trung tâm lưu ký theo yêu cầu của cổ đông.
- Lên kế hoạch và triển khai công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014
- Tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%
- Thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ và kịp thời theo Quy định.

Các hoạt động với cổ đông và nhà đầu tư:

Minh bạch, công khai và thường xuyên cập nhật thông tin đến cổ đông luôn được Lãnh đạo công ty HPT quan tâm, chú trọng. Công ty HPT luôn duy trì các kênh thông tin chính thức đến các cổ đông, nhà đầu tư như sau:

- Kênh thông tin thông qua Website của công ty www.hpt.vn về các thông tin như Báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí, hồ sơ công bố thông tin theo qui định.
- Lãnh đạo công ty HPT luôn lắng nghe và trao đổi các ý kiến của các cổ đông thông qua các buổi gặp gỡ trực tiếp như Đại hội cổ đông, email, Roadshow, qua điện thoại. Ban lãnh đạo đã tiếp nhận ý kiến đóng góp và phản hồi đầy đủ và kịp thời các ý kiến của cổ đông.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Ý thức được trách nhiệm doanh nghiệp đối với cộng đồng, HPT luôn tích cực đóng góp sức mình cùng xã hội xây dựng cuộc sống cộng đồng tốt đẹp hơn bằng những hoạt động thiện nguyện đầy ý nghĩa.

Duy trì thực hiện các hoạt động hướng đến cộng đồng:

- Quyên góp cho chương trình hướng về biển Đông, ủng hộ ngư dân vùng đảo Hoàng Sa – Trường Sa
- Thăm và trao quà cho Trung tâm Nuôi trẻ mồ côi – nhiễm chất độc Dioxin thành phố Cần Thơ
- Tiếp tục thực hiện chương trình Thắp sáng bản em dành cho đồng bào vùng cao tại xã Sứ Pán, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
- Phối hợp cùng Hội chữ thập đỏ Quận 7 tổ chức và tham gia chương trình hiến máu nhân đạo "Giọt hồng yêu thương" lần 4



TÀI TRỢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

- Cuộc thi "Sinh viên với An toàn thông tin" do VNISA tổ chức
- Giải thưởng Tài năng Lương Văn Can và hướng nghiệp các sinh viên đạt giải (CLB Doanh nhân Sài Gòn tổ chức)

VĂN HÓA CÔNG TY – NIỀM TỰ HÀO CỦA HPT

Công ty HPT luôn tự hào với nét văn hóa nhân bản và hài hòa của mình. Đó là những giá trị tồn tại bền vững của một doanh nghiệp mà HPT luôn hướng tới. Con người HPT sống trong một môi trường làm việc chuyên nghiệp và văn minh, gắn kết với nhau không chỉ bằng vật chất mà còn bởi một đời sống tinh thần phong phú và bản sắc văn hóa rất riêng.

Bản sắc văn hóa ấy được thể hiện qua các hoạt động, lễ hội truyền thống, các ấn phẩm thiết kế mang giá trị thương hiệu HPT

NHỮNG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG:

Kỷ niệm ngày thành lập Công ty HPT 13/01: Chương trình Hòa nhạc HPT 2015 chào mừng 20 năm thành lập Công ty ấn tượng, đặc sắc, tạo động lực cho tập thể HPT tiếp tục phát triển mạnh mẽ

Ngày hội Gia đình HPT tại TP.HCM và Hà Nội: Kết nối tập thể Ban lãnh đạo, CBNV cùng thành viên gia đình

CBNV Công ty, cựu CBNV Công ty trong không khí ấm áp. Qua đó, Công ty cũng tri ân những thành viên BLĐ và CBNV, tri ân gia đình của thành viên HPT cùng cựu CBNV HPT vì sự ủng hộ và đóng góp cho sự thành công của HPT.

Chân dung Phụ nữ HPT: cuộc thi ảnh đẹp, nấu ăn, biểu diễn thời trang... nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 thể hiện sự trân trọng và quý mến của phái mạnh dành cho phái đẹp HPT.

Giải thi đấu bóng đá HPT Mở rộng: được tổ chức dành cho các cầu thủ mang màu áo HPT và các đội tuyển là khách hàng, đối tác của công ty.

Tổ chức các câu lạc bộ văn hóa: Ban biên tập báo, CLB Kinh doanh, CLB Tiếng Anh...

Tổ chức Các chương trình nội bộ như hội cờ HPT, chương trình nghỉ hè “UniHPT – Sức mạnh hợp nhất”, các chương trình teambuilding nối kết tinh thần của các thành viên công ty, chương trình Trò chuyện cuối tuần – nơi CBNV gặp gỡ, giao lưu và chia sẻ những chủ đề bổ ích.



CÁC ẢN PHẨM MANG THƯƠNG HIỆU HPT:

Bản tin nhanh: Bản tin nội bộ HPT năm 2014 tăng 50% số lượng thông tin và được cập nhật liên tục, chia sẻ những thông tin “hot”, kịp thời đến Cán bộ nhân viên công ty.

Chương trình Âm nhạc VOH: một chương trình âm nhạc theo yêu cầu, kết nối yêu thương và tình cảm của con người HPT.

Bản tin nội bộ “Hotnews”: Một ấn phẩm nội bộ được thực hiện hàng quý tập hợp đầy đủ các thông tin hoạt động của HPT, nơi chia sẻ tri thức, tâm tư, tình cảm và thể hiện tài năng sáng tác văn chương của con người HPT.

Các ấn phẩm đặc biệt: Công ty HPT thường xuyên xuất bản các ấn phẩm đặc biệt sách viết, sách ảnh... để đánh dấu những mốc phát triển của mình.

Giải thưởng “Con trâu” và cá nhân tiêu biểu của năm được vinh danh hàng năm dành cho các cá nhân và các tập thể có đóng góp xuất sắc trong sự nghiệp phát triển của HPT.

